

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



---

Tháng 3 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Đỗ Thị Minh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hồ Viết Lân	Thành viên
Ông Thiệu Văn San	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hồ Viết Lân	Giám đốc
Ông Thiệu Văn San	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quý	Phó Giám đốc
Ông Trần Chính	Phó Giám đốc
Ông Lê Hồng Quân	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Việt Lân  
Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2018





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032910 /2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán với số tiền lần lượt là 56.859.521.710 đồng, 1.015.705.343 đồng và 19.985.702.005 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ căn cứ để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục công nợ phải thu, phải trả trên báo cáo tài chính tổng hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề trên đến các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư nợ vay phải trả Bộ Tài Chính trình bày trên khoản mục “Vay và nợ dài hạn” là 46.326.525.908 đồng. Trong đó, số dư nợ vay đã có đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 31.699.767.536 đồng. Số dư nợ vay chưa được đối chiếu xác nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 lần lượt là 14.626.758.372 đồng và 13.934.631.260 đồng. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị của khoản vay này.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Như Phương  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2018-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)  
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2018

A blue ink signature of Trần Thiện Thanh, consisting of a stylized cursive script.

Trần Thiện Thanh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139.272.713.305</b>	<b>125.382.162.243</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19.454.136.363</b>	<b>33.118.530.054</b>
1. Tiền	111		10.454.136.363	17.118.530.054
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	16.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.846.947.572</b>	<b>56.965.972.921</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	69.578.840.325	51.967.157.509
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.990.641.000	1.463.809.188
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	6.277.466.247	3.535.006.224
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.046.559.008</b>	<b>33.160.564.531</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	39.046.559.008	33.160.564.531
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>925.070.362</b>	<b>2.137.094.737</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	912.297.167	2.136.982.787
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.773.195	111.950
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.828.833.550</b>	<b>46.066.379.756</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.788.488.132</b>	<b>40.704.849.977</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	37.788.488.132	40.704.849.977
- Nguyên giá	222		75.230.994.057	71.194.630.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.442.505.925)	(30.489.780.445)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.040.345.418</b>	<b>5.361.529.779</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	4.040.345.418	5.361.529.779
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181.101.546.855</b>	<b>171.448.541.999</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>146.479.456.508</b>	<b>138.051.885.881</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.403.058.876</b>	<b>82.214.100.043</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	42.624.291.931	31.075.532.513
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.954.389.200	4.779.141.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	465.076.084	1.157.176.490
4. Phải trả người lao động	314		2.485.101.481	5.727.701.969
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.029.900.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.483.264	147.682.561
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	29.116.019.163	28.138.614.993
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	11.885.767.320	9.975.204.368
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		717.030.433	1.213.045.849
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.076.397.632</b>	<b>55.837.785.838</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		7.820.239.044	7.372.872.115
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	46.256.158.588	48.464.913.723
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>34.622.090.347</b>	<b>33.396.656.118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>36.254.513.268</b>	<b>34.457.493.934</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.977.900.000	32.977.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.977.900.000	32.977.900.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.276.613.268	1.479.593.934
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		482.755.286	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.793.857.982	1.479.593.934
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(1.632.422.921)</b>	<b>(1.060.837.816)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(1.632.422.921)	(1.060.837.816)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>181.101.546.855</b>	<b>171.448.541.999</b>

Nguyễn Thị Ngọc  
Người lập biểu  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng

Hồ Viết Lân  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	168.464.566.887	117.749.771.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	333.828.062	261.324.649
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.130.738.825	117.488.447.227
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	149.697.749.774	105.671.252.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.432.989.051	11.817.194.890
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	725.639.129	137.106.535
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.257.123.050	1.388.469.737
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.257.123.050	1.388.469.737
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.350.310.898	8.511.198.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.551.194.232	2.054.633.058
11. Thu nhập khác	31		50.700.380	10.002.684
12. Chi phí khác	32		109.351.186	75.403.589
13. Lợi nhuận khác	40		(58.650.806)	(65.400.905)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.492.543.426	1.989.232.153
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	698.685.444	506.857.629
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.793.857.982	1.482.374.524
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	585	310
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	585	310

Nguyễn Thị Ngọc  
Người lập biểu  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng



Hồ Viết Lân  
Tổng Giám đốc





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Môi trường và Đô thị Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800152894 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016 chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức công ty cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty là 32.977.900.000 đồng, chia thành 3.297.790 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, không có cổ phần ưu đãi.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Xí nghiệp công viên Hội An	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
2	Xí nghiệp dịch vụ tang lễ	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
3	Xí nghiệp cơ khí xây lắp công trình	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
4	Xí nghiệp xử lý môi trường	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
5	Xí nghiệp xây dựng	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6	Xí nghiệp quản lý và xây lắp điện	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
7	Chi nhánh Miền Tây	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
8	Văn phòng Công ty	Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 963 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 922 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu: Rác thải không độc hại, độc hại, rác thải y tế, rác thải công nghiệp, rác thải độc hại khác;
- Hoạt động quản lý thoát nước và xử lý nước thải;
- Quản lý, khai thác, chăm sóc công viên, khuôn viên, vườn hoa cây xanh đô thị;
- Quản lý, khai thác bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí thành phố, thiết bị kỹ thuật điện và công nghiệp;
- Quản lý nghĩa trang, nghĩa địa. Dịch vụ tang lễ;
- Quản lý duy tu đường giao thông nội thị;
- Sản xuất, cung cấp các sản phẩm thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, tang lễ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, phòng chống mối mọt; xây dựng các công trình điện đến 35KV, sửa chữa và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Giám sát thi công các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35KV;
- Tư vấn đầu thầu, lập dự án; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình: Dân dụng, giao



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

- Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán công trình dân dụng, lập quy hoạch các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Kinh doanh và cung cấp các sản phẩm về cây xanh, hoa cây cảnh, giống cây trồng, xây dựng lắp đặt các công trình: vườn hoa, vườn cảnh, vườn rừng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải	05-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10
Tài sản cố định khác	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị thương hiệu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.136.000.326	3.599.328.061
Tiền gửi ngân hàng	7.318.136.037	13.519.201.993
Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng	9.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.454.136.363</b>	<b>33.118.530.054</b>

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố - TP Thanh hoá	49.285.695.143	27.420.625.728
- Tổng công ty phát triển nhà và đô thị (HUD)	4.112.031.239	5.641.567.340
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.181.113.943	18.904.964.441
<b>Cộng</b>	<b>69.578.840.325</b>	<b>51.967.157.509</b>

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tạm ứng	728.936.600	311.957.927
Ký cược, ký quỹ	650.000.000	650.000.000
Phải thu người lao động	142.924.692	-
Phải thu khác	850.117.190	2.573.048.297
Phải trả khác dư nợ	3.905.487.765	-
<b>Cộng</b>	<b>6.277.466.247</b>	<b>3.535.006.224</b>

**4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	912.297.167	2.136.982.787
<b>Cộng</b>	<b>912.297.167</b>	<b>2.136.982.787</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	2.874.600.227	4.903.729.799
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.165.745.191	457.799.980
<b>Cộng</b>	<b>4.040.345.418</b>	<b>5.361.529.779</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa theo quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá số 4703 ngày 13 tháng 11 năm 2015 với số tiền là 6.087.388.716 đồng, được phân bổ trong thời gian 03 năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ THANH HÓA**  
Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.115.462.802	-	1.201.160.916	-
Công cụ, dụng cụ	29.675.202	-	30.125.202	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.709.830.555	-	31.719.887.741	-
Thành phẩm	176.094.895	-	176.094.895	-
Hàng hoá	15.495.554	-	33.295.777	-
<b>Cộng</b>	<b>39.046.559.008</b>	-	<b>33.160.564.531</b>	-

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	11.075.307.940	15.420.405.500	44.404.263.864	45.413.636	249.239.482	71.194.630.422
Mua trong năm			4.036.363.635			4.036.363.635
Tại ngày 31/12/2017	<b>11.075.307.940</b>	<b>15.420.405.500</b>	<b>48.440.627.499</b>	<b>45.413.636</b>	<b>249.239.482</b>	<b>75.230.994.057</b>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	4.030.107.796	7.462.929.747	18.809.767.509	36.583.210	150.392.183	30.489.780.445
Khấu hao trong năm	371.650.254	1.649.057.823	4.872.583.085	8.830.426	50.603.892	6.952.725.480
Tại ngày 31/12/2017	<b>4.401.758.050</b>	<b>9.111.987.570</b>	<b>23.682.350.594</b>	<b>45.413.636</b>	<b>200.996.075</b>	<b>37.442.505.925</b>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	7.045.200.144	7.957.475.753	25.594.496.355	8.830.426	98.847.299	40.704.849.977
Tại ngày 31/12/2017	<b>6.673.549.890</b>	<b>6.308.417.930</b>	<b>24.758.276.905</b>	-	<b>48.243.407</b>	<b>37.788.488.132</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ THANH HÓA**  
Số 467 Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Giao thông 2 - TP Thanh Hóa	840.763.000	840.763.000	1.080.306.000	1.080.306.000
Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh Ngọc Anh	10.734.540.801	10.734.540.801	14.215.045.248	14.215.045.248
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Cát Tường	2.538.244.000	2.538.244.000	1.846.681.000	1.846.681.000
Đối tượng khác	28.510.744.130	28.510.744.130	13.933.500.265	13.933.500.265
<b>Cộng</b>	<b>42.624.291.931</b>	<b>42.624.291.931</b>	<b>31.075.532.513</b>	<b>31.075.532.513</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2017		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		01/01/2017	
	VND	VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>								
Thuế thu nhập cá nhân	12.773.195	-	-	12.773.195	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	111.950	-	-	-	111.950	-
<b>Cộng</b>	<b>12.773.195</b>	<b>12.773.195</b>	<b>111.950</b>	<b>12.773.195</b>	<b>111.950</b>	<b>111.950</b>	<b>111.950</b>	<b>111.950</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	174.895.566	4.847.716.341	4.847.716.341	5.605.968.360	5.605.968.360	5.605.968.360	933.147.585	933.147.585
Thuế thu nhập doanh nghiệp	290.180.518	698.685.444	698.685.444	632.380.480	632.380.480	632.380.480	223.875.554	223.875.554
Các loại thuế, phí phải nộp khác	-	30.267.177	30.267.177	30.420.528	30.420.528	30.420.528	153.351	153.351
<b>Cộng</b>	<b>465.076.084</b>	<b>728.952.621</b>	<b>728.952.621</b>	<b>662.801.008</b>	<b>662.801.008</b>	<b>662.801.008</b>	<b>1.157.176.490</b>	<b>1.157.176.490</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	556.255.375	177.640.681
Bảo hiểm xã hội	918.054.015	-
Bảo hiểm y tế	161.517.490	-
Bảo hiểm thất nghiệp	72.005.260	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.408.187.023	27.960.974.312
- Các khoản trích trước chi phí dự án "Lô mộ cánh quan dòng họ - Nghĩa trang nhân dân chợ Nhàng	19.223.445.437	22.176.483.845
- Các khoản phải trả khác	8.184.741.586	5.784.490.467
<b>Cộng</b>	<b>29.116.019.163</b>	<b>28.138.614.993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn,

Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.845.000.000</b>	<b>6.845.000.000</b>	<b>4.615.000.000</b>	<b>3.180.000.000</b>	<b>5.410.000.000</b>	<b>5.410.000.000</b>
Vay cá nhân không lãi suất (i)	6.845.000.000	6.845.000.000	4.615.000.000	3.180.000.000	5.410.000.000	5.410.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.040.767.320</b>	<b>5.040.767.320</b>			<b>4.565.204.368</b>	<b>4.565.204.368</b>
Vay dài hạn đến hạn trả	5.040.767.320	5.040.767.320			4.565.204.368	4.565.204.368,0
<b>Tổng</b>	<b>11.885.767.320</b>	<b>11.885.767.320</b>			<b>9.975.204.368</b>	<b>9.975.204.368</b>

(i) Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân nhằm duy trì hoạt động kinh doanh, các khoản vay không tính lãi và không có tài sản đảm bảo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn,

Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	51.296.925.908	51.296.925.908	4.869.892.050	6.603.084.233	53.030.118.091	53.030.118.091		53.030.118.091
Vay Bộ Tài Chính (i)	46.326.525.908	46.326.525.908	2.069.892.050	5.581.484.233	49.838.118.091	49.838.118.091		49.838.118.091
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa (ii)	730.400.000	730.400.000	-	181.600.000	912.000.000	912.000.000		912.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (iii)	4.240.000.000	4.240.000.000	2.800.000.000	840.000.000	2.280.000.000	2.280.000.000		2.280.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>5.040.767.320</b>	<b>5.040.767.320</b>			<b>4.565.204.368</b>	<b>4.565.204.368</b>		<b>4.565.204.368</b>
Vay Bộ Tài Chính	3.720.767.320	3.720.767.320			3.845.204.368	3.845.204.368		3.845.204.368
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000		200.000.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	1.120.000.000	1.120.000.000			520.000.000	520.000.000		520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.256.158.588</b>	<b>46.256.158.588</b>			<b>48.464.913.723</b>	<b>48.464.913.723</b>		<b>48.464.913.723</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(i) Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2004/UQ/BTC-TCDN ngày 19/8/2004 về việc quản lý vốn vay tín dụng nước ngoài dự án Cải thiện Môi trường Đô thị miền trung vay vốn ADB ký giữa Quỹ hỗ trợ Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và Bộ Tài Chính. Khoản vay theo Hiệp định vay giữa Bộ Tài Chính và Công ty Môi trường và Công trình Đô Thị Thanh Hóa (nay là Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị thành phố Thanh Hóa) để thực hiện dự án Cải thiện môi trường đô thị Miền Trung - ADB ký ngày 05 tháng 05 năm 2004. Khoản vay được giải ngân bằng các phương tiện vận tải, thiết bị vận hàng và bảo dưỡng thuộc cấu phần B, C và D của dự án. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thời hạn vay vốn là 20 năm, thời gian ân hạn trả nợ gốc và lãi là 6 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên của dự án. Lãi suất vay vốn là 5,4%/năm. Trong thời gian ân hạn, khoản lãi tạm thời chưa thu. Sau thời hạn ân hạn, khoản lãi này sẽ thu tuần tự trong 6 năm tương ứng tiếp theo, vào các ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Lãi phạt chậm nộp bằng 150% lãi trong hạn. Phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,25%/năm trên số dư nợ (đã nằm trong lãi suất cho vay nêu trên).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 232/2015/HDTDDA/NHCT420-URENCO ký ngày 10 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 1.236.800.000 đồng để đầu tư cho dự án nâng cao năng lực vận chuyển rác thải sinh hoạt thành phố Thanh Hóa. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất cơ sở cộng (+) 4%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi được thanh toán định kỳ hàng tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 12-15/TD/TT-QMT/MTDTTH ký ngày 27 tháng 11 năm 2015 giữa Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam và Công ty TNHH MTV Môi Trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa và phụ lục hợp đồng số 01/12-15/TD/TT-QMT/MTDTTH ký ngày 22 tháng 02 năm 2016. Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng trong thời hạn vay 5 năm tính từ khi bên vay nhận được khoản vay đầu tiên. Lãi suất vay vốn là 3,6%/năm, lãi suất cố định trong thời gian vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi thanh toán định kỳ hàng tháng, gốc vay trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 05-17/TD/TT-QMT/MTDTTH ký ngày 16 tháng 05 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/05-17/TD/TT-QMT/MTDTTH của hợp đồng ký ngày 12 tháng 09 năm 2017. Số tiền vay là 2.800.000 trong thời hạn vay 5 năm, kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất vay vốn là 2,6%/năm, lãi suất cố định trong thời gian vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi thanh toán định kỳ hàng tháng, gốc vay trả theo quý. Khoản vay được đảm bảo bằng bảo lãnh của Ngân hàng.

**Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:**

	<b>31/12/2017</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	5.040.767.320
Từ 2 năm trở đi	46.256.158.588
<b>Cộng</b>	<b>51.296.925.908</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	5.040.767.320
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>46.256.158.588</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Số 467 Lê Hoàn,

Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a/ Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Số dư tại ngày 09/06/2016		Số dư tại ngày 01/01/2017		Số dư tại ngày 31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	32.977.900.000	-	32.977.900.000	-	32.977.900.000	32.977.900.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	1.482.374.524	-	1.482.374.524	1.482.374.524	1.482.374.524
Giảm khác	-	(2.780.590)	-	(2.780.590)	(2.780.590)	(2.780.590)
Lợi nhuận tăng trong năm	32.977.900.000	1.479.593.934	32.977.900.000	1.479.593.934	34.457.493.934	34.457.493.934
Trả cổ tức (*)	-	2.793.857.982	-	2.793.857.982	2.793.857.982	2.793.857.982
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(537.287.168)	-	(537.287.168)	(537.287.168)	(537.287.168)
Số dư tại ngày 31/12/2017	32.977.900.000	3.276.613.268	32.977.900.000	3.276.613.268	36.254.513.268	36.254.513.268

(\*) Đơn vị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả cổ tức theo Nghị Quyết số 01/2017/NQ - ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty V/v: Phân phối lợi nhuận cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**b/ Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
Nguồn vốn ngân sách nhà nước	17.297.900.000	17.297.900.000	17.297.900.000	17.297.900.000
Đỗ Thị Minh Hải	7.022.000.000	7.022.000.000	7.022.000.000	7.022.000.000
Nguồn vốn từ nhân khác	8.658.000.000	8.658.000.000	8.658.000.000	8.658.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>32.977.900.000</b>	<b>32.977.900.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**c) Cổ phiếu**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.297.790	3.297.790
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.297.790	3.297.790
+ Cổ phiếu thường	3.297.790	3.297.790
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.297.790	3.297.790
+ Cổ phiếu thường	3.297.790	3.297.790
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cp		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>168.464.566.887</b>	<b>117.749.771.876</b>
Doanh thu lô mộ cảnh quan dòng họ	17.768.535.585	13.719.405.479
Doanh thu bán lô mộ cát táng C4	850.041.821	3.502.034.701
Doanh thu xây mộ lô C3 và C5 nghĩa trang chợ Nhàng	5.754.466.750	-
Doanh thu dịch vụ khác	144.091.522.731	100.528.331.696
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>333.828.062</b>	<b>261.324.649</b>
Giảm giá hàng bán	333.828.062	261.324.649
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>168.130.738.825</b>	<b>117.488.447.227</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn lô mộ cảnh quan dòng họ	17.768.535.585	13.719.405.479
Giá vốn lô mộ cát táng C4	850.041.833	3.502.034.701
Giá vốn lô mộ C3 và C5 nghĩa trang chợ Nhàng	5.754.466.750	-
Giá vốn của dịch vụ khác	125.324.705.606	88.449.812.157
<b>Cộng</b>	<b>149.697.749.774</b>	<b>105.671.252.337</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	725.639.129	137.106.535
<b>Cộng</b>	<b>725.639.129</b>	<b>137.106.535</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.257.123.050	1.388.469.737
<b>Cộng</b>	<b>2.257.123.050</b>	<b>1.388.469.737</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.094.493.374	2.480.066.014
Chi phí vật liệu quản lý	852.329.872	520.011.172
Khấu hao tài sản cố định	2.785.584.484	367.980.952
Thuế, phí, lệ phí	158.258.749	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.167.654.256	3.908.844.256
Các khoản chi phí quản lý khác	3.291.990.163	1.234.296.236
<b>Cộng</b>	<b>13.350.310.898</b>	<b>8.511.198.630</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>3.492.543.438</b>	<b>1.989.232.153</b>
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	3.297.227.243	1.844.096.980
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	195.316.195	145.135.173
<b>Cộng: Chi phí không được trừ</b>	<b>109.350.860</b>	<b>53.657.790</b>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>3.601.894.298</b>	<b>2.042.889.943</b>
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	3.384.960.145	1.897.754.771
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 10%	216.934.153	145.135.173
<b>Thuế TNDN năm trước truy thu</b>	<b>-</b>	<b>112.793.157</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>698.685.444</b>	<b>506.857.629</b>

**7. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.793.857.982</b>	<b>1.482.374.524</b>
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	866.124.957	459.551.480
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.927.733.025</b>	<b>1.022.823.044</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.297.790	3.297.790
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>585</b>	<b>310</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính trên cơ sở tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị Quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty V/v: Phân phối lợi nhuận cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính là: 31% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**

Điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Biên bản xác nhận số liệu của Kiểm toán nhà nước:

	<b>Số báo cáo</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>Sau điều chỉnh</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	978.803.087	503.571.437	1.482.374.524
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	459.551.480	459.551.480
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	978.803.087	44.019.957	1.022.823.044
Số bình quân cổ phiếu lưu hành	3.297.790	-	3.297.790
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>297</b>		<b>310</b>

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	35.676.274.349	26.594.054.449
Chi phí nhân công	76.800.509.858	38.949.927.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.952.725.480	5.082.792.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.945.271.926	42.454.957.072
Chi phí khác bằng tiền	42.663.221.873	8.366.312.279
<b>Cộng</b>	<b>169.038.003.486</b>	<b>121.448.043.065</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc*

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2017</b>	<b>Từ 09/06/2016 đến 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương	860.718.600	433.331.077
<b>Cộng</b>	<b>860.718.600</b>	<b>433.331.077</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh theo Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế của Kiểm toán Nhà nước và điều chỉnh do phát hiện các sai sót của báo cáo tài chính năm cho kỳ hoạt động từ ngày 09 tháng 06 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Môi Trường và Công trình Đô thị Thanh Hóa như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2016		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 01/01/2017	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>			<b>100</b>	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	-		<b>130</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	49.749.225.538	2.217.931.971	131	51.967.157.509
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.140.595.451	394.410.773	136	3.535.006.224
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	-		<b>140</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	34.550.503.433	(1.389.938.902)	141	33.160.564.531
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>170.226.138.157</b>	<b>1.222.403.842</b>	<b>270</b>	<b>171.448.541.999</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)**

NGUỒN VỐN	Số liệu trình bày tại 31/12/2016		Thay đổi	Số liệu trình bày lại tại 01/01/2017	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>					
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			<b>310</b>	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	31.011.182.513	64.350.000	311	31.075.532.513
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.787.978.437	(8.837.137)	312	4.779.141.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	889.687.721	267.488.769	313	1.157.176.490
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27.742.784.220	395.830.773	319	28.138.614.993
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>			<b>400</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>			<b>410</b>	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	976.022.497	503.571.437	421	1.479.593.934
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>170.226.138.157</b>	<b>1.222.403.842</b>	<b>440</b>	<b>171.448.541.999</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

CHỈ TIÊU	Số liệu trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		Thay đổi	Số liệu trình bày lại	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	115.730.368.677	2.019.403.199	01	117.749.771.876
4. Giá vốn hàng bán	11	104.281.313.435	1.389.938.902	11	105.671.252.337
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	380.964.769	125.892.860	51	506.857.629
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	978.803.087	503.571.437	60	1.482.374.524

Nguyễn Thị Ngọc  
Người lập biểu  
Ngày 29 tháng 03 năm 2018

Lê Thị Thu Hà  
Kế toán trưởng



Hồ Viết Lân  
Tổng Giám đốc